TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn Đ, sinh năm, 1982; địa chỉ: 4/9A khu phố N, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 02 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Đinh Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu nhau thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vào ngày 25/01/2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2017. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê trọ sinh sống tại phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng không hạnh phúc nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, sau này mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng nhiều, vợ chồng không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Ngoài ra anh Đ còn là người nghiện ma túy, thường xuyên bắt chị đưa tiền để mua ma túy, chị không đưa thì anh Đ đánh đập, hăm dọa chị. Ngày 24/01/2019, anh Đ bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xử phạt một năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, khi anh Đ mãn hạn tù quay về với gia đình, chị có khuyên anh Đ tu chí làm ăn nhưng anh Đ vẫn chứng nào, tật đó, bản thân chị nhặt được ma túy và bình sử dụng ma túy của anh Đ trong phòng trọ, do sợ ảnh hưởng đến tính mạng của chị và con nên giữa tháng 12/2019 chị bế con đi nơi khác sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Ngọc Ph, sinh ngày 12/8/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Đinh Văn Đ*: Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 03/3 và 24/3/2020, tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5 và 25/5/2020 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn* giữa chị N và anh Đ do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 14/02/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ phường cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Đinh Văn Đ, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Đinh Văn Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5/2020 và 25/5/2020 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Đinh Văn Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2017 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vào ngày 25/01/2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị N trong quá trình tố tụng cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc anh Đ không quan tâm chăm sóc gia đình và là người nghiện ma túy đã bị kết án tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, điều này cũng phù hợp tài liệu chứng cứ chị N cung cấp là Bản án Hình sự sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo Đinh Văn Đ 01 (một) năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi anh Đ chấp hành xong bản án, tái hòa nhập cuộc sống cộng đồng anh Đ vẫn không tu chí làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình mà tiếp tục sử dụng ma túy mặc dù chị N đã khuyên nhủ nhiều lần.

[4] Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập anh Đ lên để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân gia đình. Anh, chị đã có thời gian ly thân từ tháng 12/2019, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau và không cùng nhau chăm sóc con cái, điều này chứng tỏ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh Đ có 01 con chung, chị N có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Xét, việc giao con cho ai chăm sóc cũng đều phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung. Bản thân anh Đ là người nghiện ma túy đã có tiền án, sau khi chấp hành án xong, anh Đ cũng không cai nghiện được mà vẫn sử dụng ma túy. Vì vậy, anh Đ không có khả năng đảm bảo tốt cho sự phát triển toàn diện của con chung. Quá trình chung sống chị N là người trực tiếp chăm sóc con chung, thời gian anh, chị ly thân con chung cũng do chị N nuôi dưỡng, hiện nay con chung cũng chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly

hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn Đ (theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2017 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/01/2017).

2. Về con chung:

2.1. Anh Đinh Văn Đ giao con chung tên Đinh Ngọc Ph, sinh ngày 12/8/2017 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N không yêu cầu anh Đinh Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị N phải tạo điều kiện cho anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040051 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoa